

Bản án số: 804/2026/DS-PT

Ngày: 23/4/2026

V/v Tranh chấp về đòi tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thế Trọng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Khắc Vương

Ông Trần Quang Phúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đồng Văn Nam – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 và ngày 23 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 467/2026/TLPT-DS ngày 09 tháng 3 năm 2026 về việc “*Tranh chấp về đòi tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 1810/2025/DS-ST ngày 29/12/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1995/2026/QĐ-PT ngày 31 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Hoàng K, sinh năm 1948

Địa chỉ: Tổ A, phường P, Thành phố H.

2. *Bị đơn:* Bà Hà Thị Thu T, sinh năm 1971

Địa chỉ: 4 L, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Công ty TNHH MTV V;

Trụ sở: 4 L, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Bình L – Giám đốc.

- Công ty TNHH T1;

Trụ sở: 916 N, phường P, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng K – Giám đốc.

- Ông Nguyễn Bình L, sinh năm 1970.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hà Thị Thu T, sinh năm 1971.

Cùng địa chỉ: 4 L, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. *Người kháng cáo:* Ông Hoàng K – Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Hoàng K trình bày:

Ông Hoàng K là Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH T1. Năm 2016, ông K có liên hệ mua gỗ của ông L, sau đó ông L giới thiệu vợ của ông là bà Hà Thị Thu T để hai bên ký hợp đồng mua bán gỗ.

Bà T xưng là Giám đốc Công ty TNHH MTV V và cùng ông K ký Hợp đồng kinh tế số 02/2016/HĐKT ngày 09/10/2016 giữa Công ty TNHH MTV V với Công ty TNHH T1.

Do Công ty TNHH T1 kẹt vốn nên ông K đã bỏ tiền cá nhân của mình ra để chuyên tiền tạm ứng mua gỗ vào tài khoản ngân hàng của bà T từng đợt cụ thể như sau:

- Ngày 09/01/2017 chuyển 200.000.000 đồng

- Ngày 27/03/2017 chuyển 200.000.000 đồng

- Ngày 10/04/2017 chuyển 200.000.000 đồng

- Ngày 02/06/2017 chuyển 80.000.000 đồng

- Ngày 06/06/2017 chuyển 25.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền ông K đã chuyển cho bà T là: 705.000.000 đồng.

Sau đó, ông K không thấy Công ty V giao gỗ cho ông theo thỏa thuận nên đã nhiều lần liên hệ bà T nhưng bị đơn không hợp tác, ông K có khởi kiện ra Tòa nhưng trong quá trình giải quyết tranh chấp, Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh đã đình chỉ giải quyết theo Quyết định số 29/2020/QĐST-KDTM ngày 06/7/2020 do ông K rút đơn.

Bà Hà Thị Thu T xác nhận có nhận số tiền 705.000.000 đồng của cá nhân ông K, người đại diện theo pháp luật của Công ty V là ông Nguyễn Bình L cũng xác nhận bà Hà Thị Thu T không có chức vụ, quyền hạn gì trong Công ty V.

Như vậy, việc bà T tự nhận là Giám đốc Công ty V, ký kết hợp đồng kinh tế và nhận số tiền 705.000.000 đồng của ông Hoàng K gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của ông K.

Nay nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết:

- Buộc vợ chồng bà Hà Thị Thu T, ông Nguyễn Bình L liên đới trả lại cho nguyên đơn số tiền cá nhân ông Hoàng K đã chuyển cho bà Hà Thị Thu T là 705.000.000 đồng.

- Tiền lãi suất trung bình là 1%/tháng tính từ ngày 27/11/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm. Tạm tính từ ngày 27/11/2017 đến ngày nộp Đơn khởi kiện (20/07/2020) là 31 tháng 23 ngày số tiền là: 223.955.000 đồng. Tổng cộng là: 928.955.000 đồng.

Bị đơn là bà Hà Thị Thu T là bị đơn trình bày:

Bà xác nhận có nhận số tiền 705.000.000 đồng của ông Hoàng K. Số tiền này là tiền mua gỗ mà Công ty TNHH T1 trả cho Công ty V do chồng bà là ông Nguyễn Bình L là người đại diện theo pháp luật. Do thời điểm giao kết hợp đồng chồng bà đang ở C nên có ủy quyền cho bà thay mặt Công ty V ký kết hợp đồng với Công ty TNHH T1. Số tiền trên bà đã giao lại cho chồng bà và chồng bà đã giao gỗ cho Công ty TNHH T1 (do ông K làm đại diện) theo đúng thỏa thuận.

Do đó bà không liên quan gì đến giao dịch giữa Công ty TNHH T1 của ông K và Công ty V của chồng bà nữa.

Nay nguyên đơn khởi kiện bà không đồng ý. Đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ông Hoàng K là người đại diện theo pháp luật Công ty TNHH T1 trình bày:

Năm 2016 Công ty T1 có ký Hợp đồng mua bán gỗ với Công ty V. Sau khi ký hợp đồng do Công ty T1 kẹt vốn nên có mượn tiền của ông Hoàng K lúc đó là Chủ tịch HĐQT của Công ty T1 và nhờ ông Hoàng K chuyển tiền cho Công ty V để mua gỗ. Tuy nhiên do không kiểm tra giấy đăng ký kinh doanh, nhầm lẫn bà T là người đại diện theo pháp luật nên Công ty V đã chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của bà T.

Nay Công ty T1 xác định số tiền 705.000.000 đồng trên là tiền cá nhân của ông Hoàng K do đó vợ chồng bà T, ông L phải có nghĩa vụ trả cho ông K chứ không phải Công ty T1. Công ty T1 cũng không có yêu cầu vợ chồng bà T, ông L trả cho Công ty T1 số tiền trên.

Ông Nguyễn Bình L là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV V và là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

Năm 2016 Công ty T1 (do ông K làm đại diện) có giao dịch mua bán gỗ với Công ty V do ông làm đại diện theo pháp luật. Thời điểm đó ông đang ở C nên không trực tiếp ký hợp đồng được mà có ủy quyền cho vợ ông là bà T đại diện Công ty V ký hợp đồng với Công ty T1.

Sau đó ông K đã chuyển cho bà T số tiền 705.000.000 đồng. Bà T đã đưa số tiền trên cho ông để thực hiện hợp đồng và thực tế Công ty V đã giao đầy đủ

gỗ theo thỏa thuận cho Công ty T1. Do đó bà T không liên quan gì đến giao dịch giữa Công ty TNHH T1 của ông K và Công ty V nữa. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông liên đới trả số tiền 705.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả tạm tính từ ngày 27/11/2017 đến ngày 20/7/2020 là 223.955.000 đồng. Tổng cộng là 928.955.000 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật vợ chồng ông không đồng ý.

Ông L không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 1810/2025/DS-ST ngày 29/12/2025, Tòa án nhân dân Khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 705.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả là 381.647.100 đồng, tổng cộng là 1.086.647.100 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn giải quyết các vấn đề về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm,

Ngày 12/01/2026, nguyên đơn ông Hoàng K kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đã nêu phía trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Bình L đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm, bác yêu cầu kháng cáo của ông Hoàng K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng các quy định của pháp luật; những người tham gia phiên tòa đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo luật định.

- Về nội dung kháng cáo: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ, xét kháng cáo của đương sự là không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các bên đương sự trình bày ý kiến, sau khi nghe Đại diện

Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức:

- Đơn kháng cáo của ông Hoàng K làm trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận để xem xét.

- Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Hà Thị Thu T có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng nêu trên.

[2] Về nội dung kháng cáo: Xét yêu cầu kháng cáo của ông Hoàng K, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Các đương sự trong vụ án đều thừa nhận giữa Công ty TNHH MTV V với Công ty TNHH T1 có lập Hợp đồng kinh tế số 02-2016/HĐKT ngày 09/10/2026 với nội dung Công ty TNHH MTV V đồng ý bán cho Công ty TNHH T1 số lượng gỗ và phương thức thanh toán theo thỏa thuận. Tại thời điểm ký hợp đồng, bà T không phải là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV V. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Bình L là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV V thừa nhận có ủy quyền cho bà T ký hợp đồng.

Số tiền ông Hoàng K chuyển cho bà T tổng cộng là 705.000.000 đồng chính là tiền đặt cọc gỗ theo hợp đồng trên. Công ty TNHH MTV V xác nhận đã nhận được tiền đặt cọc mua gỗ của Công ty TNHH T1. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định hợp đồng kinh tế giữa Công ty TNHH MTV V với Công ty TNHH T1 đã được các bên thực hiện một phần và có hiệu lực pháp luật.

Ông Hoàng K cho rằng phía Công ty TNHH T1 đã nhận tiền nhưng không giao gỗ nên khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà T trả lại tiền đã nhận và tiền lãi phát sinh. Ông K cũng xác nhận mặc dù Công ty TNHH T1 là người đứng tên trên hợp đồng nhưng đang gặp khó khăn tài chính nên ông K mới dùng tiền từ tài khoản cá nhân của ông để chuyển tiền cho bà T.

Hội đồng xét xử xét thấy, ông Hoàng K cho Công ty TNHH T1 mượn tiền để trả tiền mua gỗ thì Công ty TNHH T1 đã trở thành chủ sở hữu của số tiền này thông qua giao dịch vay tài sản giữa ông K và Công ty T1, được quy định tại Điều 463 và Điều 464 Bộ luật dân sự năm 2015. Việc ông K chuyển tiền từ tài khoản cá nhân cho bà T cũng nhằm mục đích thực hiện hợp đồng kinh tế, vì mục đích thương mại giữa Công ty TNHH MTV V với Công ty TNHH T1.

Do đó, mọi phát sinh liên quan đến việc mua bán gỗ giữa hai Công ty phải được giải quyết bằng vụ án kinh doanh thương mại mới phù hợp quy định của pháp luật. Vì vậy, ông Hoàng K khởi kiện với tư cách cá nhân buộc bà Hà Thị

Thu T và chồng là ông Nguyễn Bình L trả tiền và lãi phát sinh là không có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng K là đúng quy định.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu kháng cáo của ông Hoàng K là không có cơ sở để chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, ông Hoàng K là người cao tuổi và đã có đơn xin miễn án phí. Căn cứ quy định tại điểm d Điều 12, Điều 14, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên Hội đồng xét xử quyết định miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Hoàng K.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào,

Điều 296, Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 463 và Điều 464 Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Hoàng K.
2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 1810/2025/DS-ST ngày 29/12/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh:
 - 2.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 705.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả là 381.647.100 đồng, tổng cộng là 1.086.647.100 đồng.
 - 2.2. Về chi phí ủy thác ra nước ngoài: Nguyên đơn phải chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài. Nguyên đơn đã đóng đủ.
 - 2.3. Về án phí: Nguyên đơn ông Hoàng K được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn ông Hoàng K được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- TAND Khu vực 7, TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Phòng THADS Khu vực 7, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thế Trọng